CTCP Kosy (HSX: KOS)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	39,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.4%	**4.2%**	**-0.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	37,000 - 40,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,508
Số lượng CPLH (CP)	216,481,335
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,404,970
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.03)
EPS	103
P/E	381.6

Tỷ suất lợi nhuận

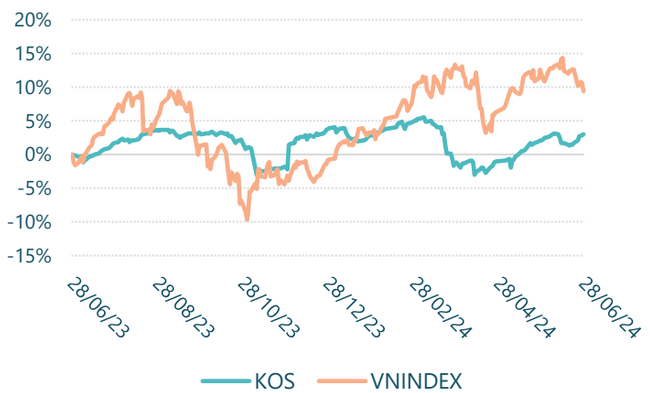

Doanh thu thuần

Q2/24

461

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 224 | 94.7%

YoY: ▲ 138 | 42.8%

Nợ/VCSH

Q2/24

104%

YoY: +/-▼ 1.2%

LN gộp

Q2/24

59.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.4 | 105%

YoY: ▲ 34.8 | 142%

ROE (TTM)

Q2/24

1.0%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN trước thuế

Q2/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.72 | 252%

YoY: ▲ 3.61 | 36.6%

ROA (TTM)

Q2/24

0.5%

YoY: +/-▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

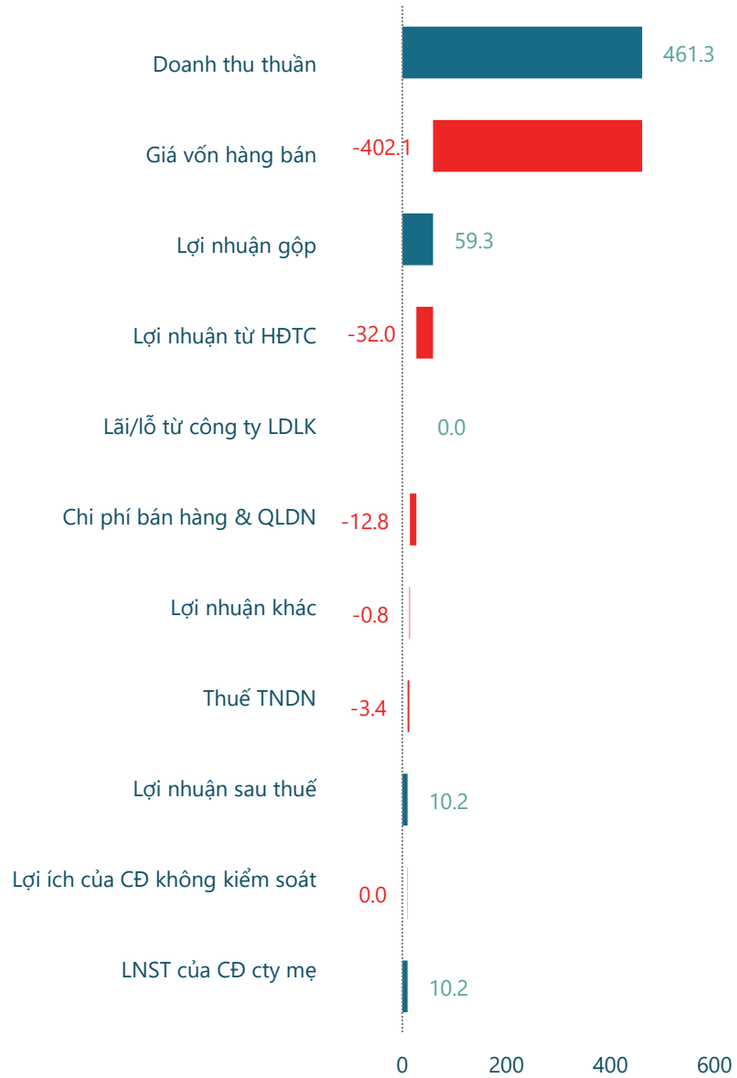

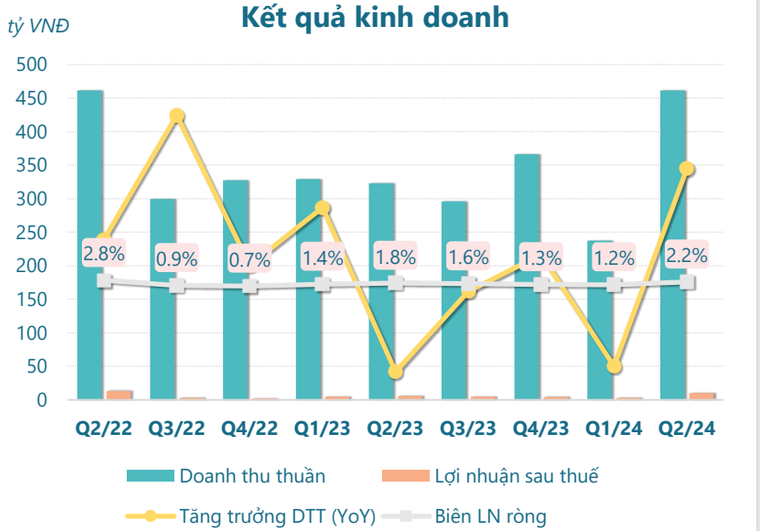

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 14.46 tỷ đồng**, tăng thêm 271% so với kỳ trước và cao hơn 44.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 32.02 tỷ đồng** giảm đi 14.95 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 26.45 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.82 tỷ đồng** giảm đi 0.79 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.80 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

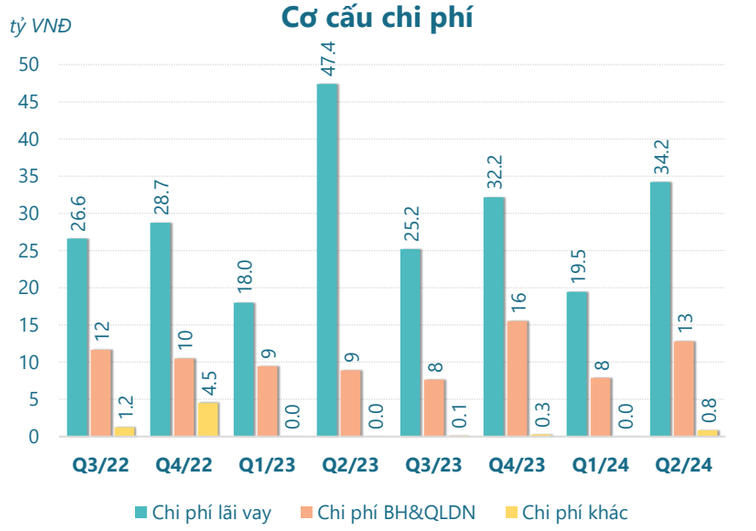

Kết quả kinh doanh của **KOS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **461.3 tỷ đồng** tăng thêm **42.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.22 tỷ đồng**, **tăng trưởng 74.4%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **699.0 tỷ đồng** cao hơn 7.21% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 13.00 tỷ đồng** cao hơn 18.2% so với cùng kỳ năm trước.

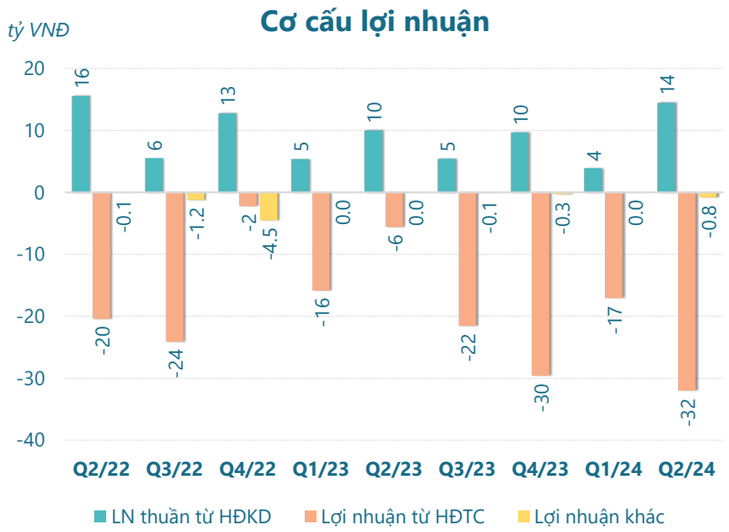

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **34.20 tỷ đồng** tăng thêm 75.7% so với kỳ trước và thấp hơn 27.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.79 tỷ đồng** tăng thêm 62.3% so với kỳ trước và cao hơn 43.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.82 tỷ đồng** tăng thêm 2633% so với kỳ trước và cao hơn 4000% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Kosy (HSX: KOS)

FireAnt
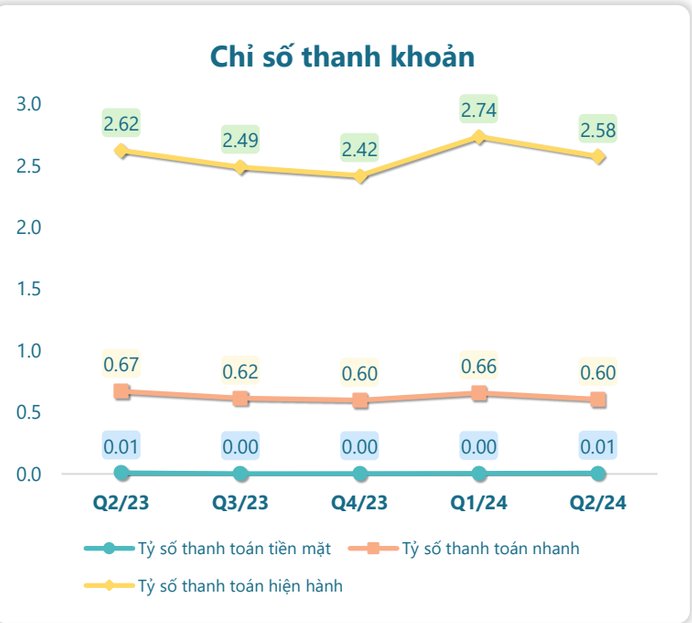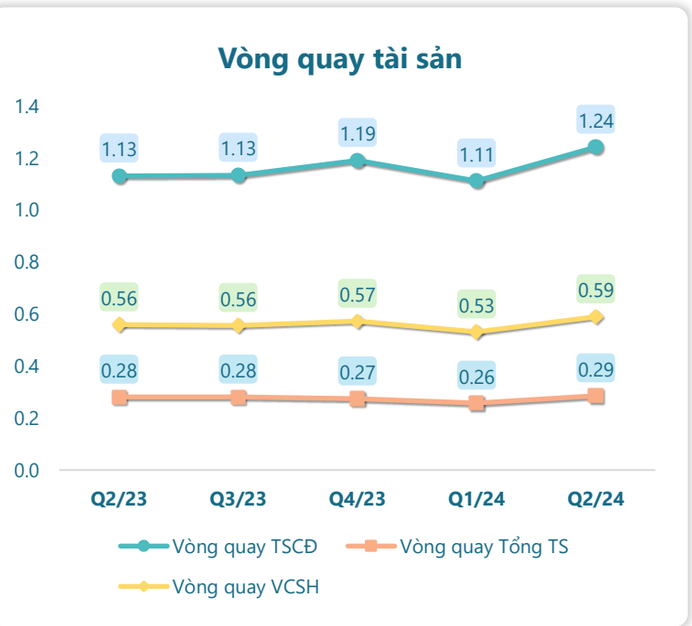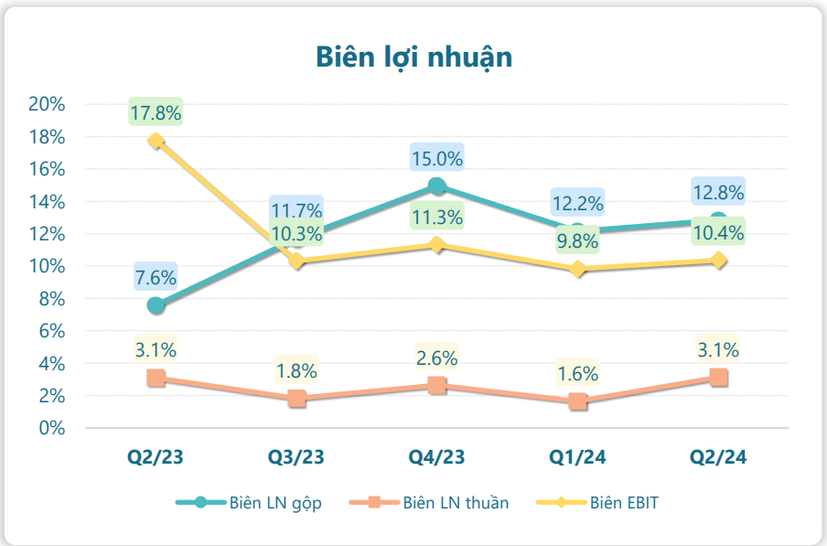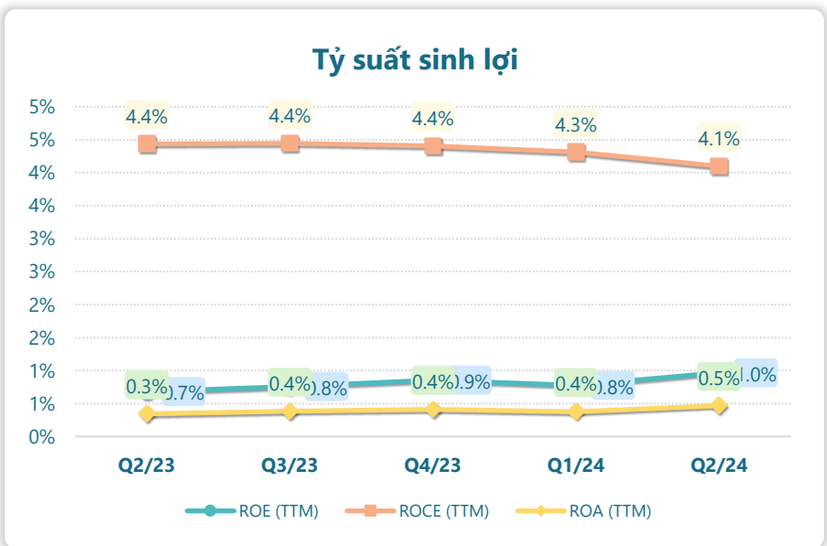
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**461**	**237**	**94.7%**	**323**	**42.8%**	**699**	**652**	**7.1%**
Giá vốn hàng bán	402	208	93.3%	299	34.5%	610	597	2.2%
Lợi nhuận gộp	59.3	28.9	105%	24.5	142%	88.1	55.2	59.8%
Doanh thu HĐTC	2.18	2.39	-8.9%	42.0	-94.8%	4.57	44.2	-89.6%
Chi phí TC	34.2	19.5	75.4%	47.6	-28.1%	53.7	65.6	-18.2%
Chi phí lãi vay	34.2	19.5	75.4%	47.4	-27.8%	53.7	65.4	-17.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.90	0.10	4798%	0.12	3982%	5.00	0.27	1755%
Chi phí QLDN	**7.89**	**7.79**	**1.3%**	**8.80**	**-10.3%**	**15.7**	**18.1**	**-13.3%**
LN thuần từ HĐKD	14.5	3.90	271%	10.0	44.6%	18.4	15.4	19.3%
Lợi nhuận khác	**-0.82**	**-0.03**	**-2635%**	**-0.02**	**-4003%**	**-0.85**	**-0.04**	**-2316%**
LN trước thuế	13.6	3.88	252%	9.99	36.6%	17.5	15.4	14.1%
Lợi nhuận sau thuế	**10.2**	**2.96**	**245%**	**5.86**	**74.5%**	**13.2**	**10.6**	**24.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.2**	**2.87**	**255%**	**5.71**	**78.3%**	**13.1**	**10.4**	**25.7%**